TẠ VŨ NHÂN
Digitally signed by: TẠ VŨ NHÂN
DN: CN = TẠ VŨ NHÂN C = VN O = CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM OU = Phòng TCHC
Date: 2014.07.16 17:06:51 +08'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà Fafilm, số 19 Nguyễn Trãi, P Khương Trung,Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

(Mẫu biểu số B09-DN)

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP.

Công ty cổ phần kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (Viết tắt là PVCR) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0500547376, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VN.**

Tên viết tắt: PVCR

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Fafilm số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ tại Công ty: 531.009.130.000 đồng *(Năm trăm ba mốt tỷ, không trăm linh chín triệu, một trăm ba mười ngàn đồng)*

Hoạt động kinh doanh chính là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn tổng hợp;
- Đại lý du lịch;
- Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Trồng cây lấy củ có chất bột;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Trồng cây ăn quả;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng : Nhật ký chung

Niên độ kế toán : Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch

III. ÁP DỤNG LUẬT KẾ TOÁN VÀ CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM.

Luật Kế toán:

Trong Quý II năm 2014, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2003 kèm theo Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Trong năm, Công ty đã áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU.

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

Tiền mặt là các khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với số quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tiền đang chuyển được xác định theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kế từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

- Nếu có thời hạn thanh toán hoặc thu hồi dưới 01 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Nếu có thời hạn thanh toán hoặc thu hồi trên 01 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý DN trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được đánh giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa

điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản và khấu hao tài tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn luỹ kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyễn giá và giá trị hao mòn luỹ kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá trị quyết toán công trình (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định và phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành.

	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

Tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm kế toán và chi phí thiết kế website của Công ty, được trình bầy theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũ kế. Các tài sản cố định vô hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận kế toán và các khoản đầu tư tài chính:

Đầu tư ngắn hạn:

Khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 12 tháng.

Đầu tư dài hạn hạn:

Các khoản đầu tư dài hạn là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 12 tháng và khoản đầu tư vào các Công ty khác. Các khoản lợi nhuận nhận được sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành và đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhập	64.685.324	- 106.827.161
Cộng	**64.685.324**	**106.827.161**

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tư vấn luật	90.000.000	36.000.000
Phí kiểm toán	68.181.818	61.363.636
Chi phí khác	-	13.269.518
Cộng	**158.181.818**	**110.633.154**

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	31/03/2013 VND
BHXH, BHYT, BHTN ,KPCĐ, ĐPCĐ	293.383.987	411.775.875
Nhận tiền góp vốn đầu tư Dự án:	231.660.479.445	234.134.558.772
- Dự án Khu Đô thị Việt Hưng	1.892.375.000	2.092.375.000
Tiền thu từ đối tác	-	-
Tiền thu từ khách hàng	1.892.375.000	2.092.375.000
- Dự án Khu Đô thị Văn Phú	229.768.104.445	232.042.183.772
Tiền thu từ đối tác *(i)*	40.809.761.500	40.809.761.500
Tiền thu từ khách hàng	188.958.342.945	191.232.422.272
Nhận ký cược, ký quỹ	40.017.888.881	38.017.888.881
Công ty CP ĐT phát triển Bình An	106.705.468.579	402.581.755.898
Công ty CP khách sạn và dịch vụ Đại Dương *(ii)*	51.152.163.350	51.152.163.350
Công ty CP ĐT TM và XD Long Sơn	-	190.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác *(iii)*	19.374.449.586	19.596.253.277
Cổ tức phải trả *(vi)*	18.548.753.150	18.560.153.150
Cộng	**467.752.586.978**	**954.454.549.203**

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài gòn nộp 27.300.000.000 đồng để thực hiện Hợp đồng số 17/VP/HĐHT-PVC.SG, và Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Long nộp 13.509.761.500 đồng để thực hiện Hợp đồng số 26/2010/HĐHT ngày 28/09/2010.

(ii) Công ty tập đoàn Đại Dương đặt cọc để cam kết và đảm bảo cho việc ký kết và thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng diện tích thương mại của Dự án Văn Phú.

(iii) Khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm 18.000.000.000 đồng phải trả cho Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) về việc nhận chuyển nhượng quyền sở hữu 1.500.000 cổ phần của Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI).

(iv) Tiền cổ tức của năm 2010 và của năm 2011.

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN:

Công ty nhận tiền của các nhà đầu tư theo các hợp đồng góp vốn và thỏa thuận đặt cọc. Theo đó, khi dự án đủ điều kiện để bán căn hộ theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư được quyền mua căn hộ theo đúng quy định trong hợp đồng góp vốn. Đối với các nhà đầu tư tham gia thỏa thuận đặt cọc sẽ được nhận quyền góp vốn và phân chia lợi nhuận tại dự án tham gia góp vốn theo đúng quy định đã thỏa thuận trên thỏa thuận đặt cọc. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng bán căn hộ cho một số khách hàng tại Dự án Văn Phú. Theo quy định về thuế, Công ty đã thực hiện xuất hóa đơn giá trị gia tăng, tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp, đồng thời kết chuyển số tiền đã nhận ứng trước cho một số hợp đồng bán căn hộ sang khoản mục "Doanh thu chưa thực hiện" với số tiền là 53.711.777.452 đồng.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu :

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển & Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Tại ngày 01/04/2014	**531.009.130.000**	**11.788.944.000**	**15.065.874.526**	**(10.507.397.490)**	**(22.818.213.283)**
Tăng do vốn góp	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.526.392.897
Phân phối cho các quỹ	-	-		-	-
Trích các quỹ khác	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-		-
Tại ngày 30/06/2014	**531.009.130.000**	**11.788.944.000**	**15.065.874.526**	**(10.507.397.490)**	**(20.291.820.386)**

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	30/06/2014		31/12/2013	
	VND	**%**	**VND**	**%**
Công ty CP PVI	43.500.000.000	8,20%	43.500.000.000	8,20%
Công ty CP Tập đoàn Đại Dương	51.420.000.000	9,68%	100.000.000.000	18,83%
Công ty TNHH VNT	81.519.800.000	15,35%	81.519.800.000	15,35%
Công ty ĐT&TM Hệ thống Quốc tế	29.000.000.000	5,45%	29.000.000.000	5,45%
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	43.500.000.000	8,20%	43.500.000.000	8,20%
Công ty CP Chứng khoán Thái Bình Dương	-	-	120.000.000.000	22,60%
Cổ đông khác	282.068.330.000	53,12%	113.489.330.000	21,37%
	531.009.130.000	**100%**	**531.009.130.000**	**100%**

14.3 Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để bổ sung vào vốn kinh doanh của Công ty, để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của doanh nghiệp; góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo quy định hiện hành.

Quỹ dự phòng tài chính: Dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm.

Quỹ phúc lợi: Quỹ phúc lợi dùng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận; Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty; Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội; Trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên công ty; Chi trợ cấp khó khăn cho người lao động của Công ty đã nghỉ hưu, mất sức lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, xây nhà tình nghĩa, từ thiện.

Quỹ khen thưởng: Quỹ khen thưởng dùng để thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, Thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài công ty có quan hệ kinh tế đã hoàn thành tốt những điều kiện của hợp đồng, đóng góp có hiệu qủa vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

14.4. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu, thu nhập khác.

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.532.212.912	516.455.253
Lãi từ hoạt động uỷ thác quản lý vốn	-	24.888.889
Lãi từ hoạt động bán chứng khoán	-	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	510.500.000	532.800.000
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.971.766	28.291.085
Cộng	**4.049.684.678**	**1.102.435.227**

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH:

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	(1.055.649.930)	2.085.961.403
Chi phí khác		2.076.389
Cộng	**(1.055.649.930)**	**2.088.037.792**

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND

Chi phí nhân viên quản lý	1.282.005.074	5.287.832.569
Chi phí vật liệu quản lý	38.269.486	250.314.249
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.773.341	547.286.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.284.059	501.818.530
Thuế, phí và lệ phí	41.947.403	110.712.175
Dự phòng phải thu khó đòi	562.500.000	2.611.379.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.775.763	(2.095.610.000)
Chi phí khác	202.386.585	(1.615.167.524)
Cộng	**2.578.941.711**	**5.598.566.663**

18. THU NHẬP KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cho thuê xe ô tô		82.733.334
Thanh lý TSCĐ		17.420.000
Cộng	**-**	**100.153.334**

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế:	2.526.392.897	(6.831.771.639)
Kết chuyển lỗ kỳ trước:	2.051.892.897	
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	510.500.000	532.800.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	36.000.000	144.000.000
Thu nhập chịu thuế		**(7.220.571.639)**
Thuế suất thông thường	22%	25%

VI. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan:

Cơ cấu vốn góp của Công ty gồm các bên liên quan sau:.

- Công ty Cổ PVI nắm giữ 8,20% vốn điều lệ.
- Công ty CP Tập đoàn Đại Dương năm giữ 9,68% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH VNT năm giữ 15,35% vốn điều lệ.
- Công ty Đầu tư và Thương mại hệ thống Quốc tế nắm giữ 5,45% vốn điều lệ.
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí Toàn cầu nắm giữ 8,20% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 53,12% vốn điều lệ.

Số dư ngày 30/06/2014	**131.000.000**	**172.000.000**	**303.000.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư ngày 01/04/2014	**122.111.108**	**125.333.332**	**247.444.440**
Số tăng trong kỳ	**3.333.333**	**11.250.000**	**14.583.333**
Hao mòn TSCĐ	3.333.333	11.250.000	14.583.333
Số giảm trong kỳ			**0**
Số dư ngày 30/06/2014	**125.444.441**	**136.583.332**	**262.027.773**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư ngày 01/04/2014	**12.222.225**	**57.916.668**	**70.138.893**
Số dư ngày 30/06/2014	**5.555.559**	**35.416.668**	**40.972.227**

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG :

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
- Dự án Khu Du lịch cao cấp Hồ Suối Hai	14.721.613.606	14.718.613.606
- Dự án khu đô thị sinh thái TMDV Đảo việt	952.591.773	952.591.773
Cộng	**15.674.205.379**	**15.671.205.379**

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty CP Dịch vụ vận tải Dầu khí Cửu Long	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP ĐTXDTM Dầu khí IDICO Lạng Sơn	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty CP Đầu tư PV2	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty CP Đầu tư xây lắp Dầu khí VN (PVCI)	21.350.000.000	21.350.000.000
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng đầu tư dài hạn	(3.559.843.167)	(3.559.843.167)
Cộng	**54.890.156.833**	**54.890.156.833**

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền công cụ dụng cụ, sửa chữa văn phòng:	48.535.497	103.097.777
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.224.021.663	7.251.329.734
Cộng	**7.272.557.160**	**7.354.427.511**

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	2.408.689.103	2.611.891.018
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn:	10.000.000	7.510.000.000
+ Đặt cọc để sử dụng dịch vụ taxi Mai Linh.	10.000.000	10.000.000
+ Công ty cổ phần Kinh doanh Trung kỳ (i).	-	7.500.000.000
Cộng	**2.418.689.103**	**10.121.891.018**

6. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH:

6.1. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình :

TÊN TSCĐ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ QUẢN LÝ	CỘNG
NGUYÊN GIÁ			
Số dư ngày 01/04/2014	**3.763.409.092**	**816.089.950**	**4.579.499.042**
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2014	**3.763.409.092**	**816.089.950**	**4.579.499.042**
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư ngày 01/04/2014	**3.557.620.475**	**738.272.383**	**4.201.340.280**
Số tăng trong kỳ	**29.533.761**	**37.166.965**	**66.700.726**
Hao mòn TSCĐ	29.533.761	37.166.965	66.700.726
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2014	**3.587.154.236**	**775.439.348**	**4.362.593.584**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư ngày 01/04/2014	**249.838.593**	**128.320.169**	**378.158.762**
Số dư cuối kỳ 30/06/2014	**176.254.856**	**40.650.602**	**216.905.458**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: - VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD: - VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: - VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không phát sinh
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: Không phát sinh

6.2. Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính : Chưa phát sinh

6.3. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

TÊN TSCĐ	WEB SIDE	PHẦN MỀM	CỘNG
NGUYÊN GIÁ			
Số dư ngày 01/04/2014	**131.000.000**	**172.000.000**	**303.000.000**
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-

Tiền gửi ngân hàng	90.188.139	9.663.965.641
Các khoản tương đương tiền	5.984.255.591	5.000.000.000
Cộng	**6.257.868.888**	**14.731.386.234**

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	9.345.897.039	11.871.091.969
Đầu tư ngắn hạn khác	205.082.444.751	741.398.202.957
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	(3.201.697.039)	(4.257.346.969)
Cộng	**211.226.644.751**	**749.011.947.957**

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu của khách hàng	92.300.000	95.300.000
Trả trước cho người bán	19.025.277.841	19.032.087.841
Phải thu nội bộ (Chi nhánh Ba Vì)	-	-
Lãi tiền gửi ngân hàng, ủy thác quản lý vốn	3.066.667	14.433.333
Khoản tiền góp vốn vào dự án Việt Hưng *(i)*	3.356.249.655	1.570.389.229
Phải thu của Ông Phạm Quốc Anh *(ii)*	9.900.000.000	9.900.000.000
Công ty CP ĐT Thương mại và XD Long Sơn	54.000.000.000	-
Công ty cổ phần Kinh doanh Trung kỳ	7.500.000.000	-
Phải thu khác	59.801.688	52.622.557
Dự phòng phải thu khó đòi *(iii)*	(2.686.490.000)	(2.123.990.000)
Cộng	**91.250.205.851**	**28.540.842.960**

(i) Khoản tiền PVCR góp vào Công ty NNP để thực hiện đầu tư dự án CT10-15 Việt Hưng.

(ii) Khoản phải thu từ việc chuyển nhượng quyền sở hữu 825.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI) cho Ông Phạm Quốc Anh theo Hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần ký ngày 25 tháng 11 năm 2011.

(iii) Công ty trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi đã quá hạn thanh toán.

4. HÀNG TỒN KHO:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
- Dự án Khu Đô thị Việt Hưng	63.115.251.080	63.085.608.353
- Dự án Khu Đô thị Văn Phú	630.729.932.048	629.957.240.249
Cộng	**693.845.183.128**	**693.042.848.602**

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Kết quả từ hoạt động kinh doanh phản ánh trên tài khoản 421 là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ hoạt động kinh doanh.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở công việc đã hoàn thành, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

Công thức xác định:

Thuế TNDN hiện hành	=	Thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành	x	Thuế suất thuế TNDN theo quy định hiện hành

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: là thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN trong năm hiện hành.

Công thức xác định:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	=	Tổng chênh lệch tạm thời chịu thuế trong năm	x	Thuế suất thuế TNDN theo quy định hiện hành

Chênh lệch tạm thời chịu thuế trong năm: là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai khi mà giá trị ghi sổ của các khoản mục Tài sản hoặc Nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một Tài sản hay Nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế TNDN (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	183.425.158	67.420.593

- *Cơ cấu tổ chức của Công ty:*
- Hội đồng Quản trị của Công ty gồm 05 thành viên.
- Ban kiểm soát của Công ty gồm 01 Trưởng ban và 2 Uỷ viên.
- Ban Giám đốc của Công ty gồm 1 Giám đốc và 02 Phó giám đốc.
- Công ty có 03 phòng chức năng, 01 Chi nhánh Công ty, 01 Trung tâm xây lắp.

2. Thông tin về hoạt động liên tục:

Báo cáo Tài chính được lập trên cơ sở Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, không có ý định ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động.

Lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Chử Thị Thuý Hà	Nguyễn Thị Hà Thu	Nguyễn Tuấn Anh